

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/HSST
Ngày 24/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Đông, ông vũ Quốc Phòng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên** tham gia phiên tòa: Ông Đinh Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024 đối với:

- Bị cáo **Vũ Đức T**, sinh năm 1993, tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: **Tổ dân phố H, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông: **Vũ Văn B** và bà **Đoàn Thị K**; vợ: **Phạm Thị H**, con: Có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 29/02/2024 đến ngày 09/3/2024 chuyển áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh **Trần Hữu K1**, sinh năm 1989, nơi cư trú: **Tổ dân phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**, vắng mặt.

+ Anh **Vũ Như A**, sinh năm 1988, nơi cư trú: **Thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội**, vắng mặt.

+ Anh **Hoàng Văn T1**, sinh năm 1988, nơi cư trú: **Thôn N, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền làm ăn nên ngày 11/10/2022, anh **Trần Hữu K1** đã gặp **Vũ Đức T** để hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng, **T** đồng ý và thỏa thuận với **K1** mức lãi suất vay là 5000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng anh **K1** trả lãi cho **T** số tiền 1.500.000 đồng, anh **K1** đồng ý rồi **T** đưa trực tiếp cho **K1** số tiền mặt là 10.000.000 đồng. Sau đó hàng tháng, anh **K1** sử dụng số tài khoản 0351001202625 của **ngân hàng V** mang tên **Trần Hữu K1** để chuyển trả tiền lãi vào số tài khoản 099691234555 của

ngân hàng M mang tên Vũ Đức T. Từ tháng 11/2022 đến tháng 4/2023, anh K1 đã trả lãi cho T với tổng số tiền là 9.000.000 đồng (tương đương 06 tháng).

Lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền Vũ Đức T thu lợi bất chính đối với khoản vay trên là: 9.000.000 đồng - 1.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.

Đến ngày 13/4/2023, anh K1 tiếp tục vay thêm của T 5.000.000 đồng, vẫn với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày. Như vậy, tổng số tiền anh K1 vay của T là 15.000.000 đồng, mỗi tháng anh K1 trả lãi cho T số tiền 2.250.000 đồng. Từ tháng 5/2023 đến tháng 01/2024 (tương đương 09 tháng), anh K1 liên tục trả lãi hàng tháng cho Vũ Đức T với tổng số tiền là 20.000.000 đồng (trong đó có tháng 10/2023 K1 chỉ trả tiền lãi cho T 2.000.000 đồng, còn lại 250.000 đồng thì T cho K1). Đến cuối tháng 01/2024, anh K1 đã trả đủ cho T số tiền gốc là 15.000.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên là 2.249.100 đồng. Tổng số tiền Vũ Đức T thu lợi bất chính đối với khoản vay trên là: 20.000.000 đồng - 2.249.100 đồng = 17.750.900 đồng.

Tiếp đó ngày 09/11/2022, anh Vũ Như A do cần tiền chi tiêu cá nhân nên đã đến nhà gặp Vũ Đức T hỏi vay của T số tiền là 10.000.000 đồng, T thỏa thuận với anh Vũ Như A lãi suất vay là 5000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng anh Vũ Như A phải trả lãi cho T số tiền 1.500.000 đồng, anh Vũ Như A đồng ý. Sau đó T sử dụng số tài khoản 099691234555 của ngân hàng M mang tên Vũ Đức T chuyển số tiền 8.500.000 đồng vào số tài khoản 0852501588 của ngân hàng M mang tên anh Vũ Như A. Còn lại 1.500.000 đồng, T trừ vào tiền lãi của tháng 11/2022. Sau đó, liên tục từ các tháng 12/2022 đến đầu tháng 4/2023 (tương đương 05 tháng), anh Vũ Như A đã sử dụng tài khoản của mình chuyển trả cho Vũ Đức T tổng số tiền lãi là 7.500.000 đồng. Đến ngày 26/4/2023, anh Vũ Như A đã trả hết cho T số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên là 833.000 đồng. Tổng số tiền Vũ Đức T thu lợi bất chính đối với khoản vay trên là: 7.500.000 đồng - 833.000 đồng = 6.667.000 đồng.

Ngày 20/11/2023, anh Vũ Như A tiếp tục vay của T số tiền 15.000.000 đồng cũng với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng anh Vũ Như A phải trả lãi cho T 2.250.000 đồng. T đồng ý, rồi dùng số tài khoản như trên chuyển khoản cho anh Vũ Như A số tiền 12.750.000 đồng. Còn lại số tiền 2.250.000 đồng T trừ vào tiền lãi của tháng 11/2022 anh Vũ Như A vay. Đến tháng 01/2024, anh Vũ Như A trả cho T số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng và xin nợ lại số tiền lãi của tháng 12/2023 là 2.250.000 đồng. T đồng ý. Sau đó đến ngày 07/02/2024, anh Vũ Như A đã chuyển khoản trả T số tiền lãi đã nợ là 2.000.000 đồng còn 250.000 đồng, anh Vũ Như A xin không trả T và được T đồng ý.

Lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên là 500.000 đồng. Tổng số tiền Vũ Đức T thu lợi bất chính đối với khoản vay trên là: 4.250.000 đồng - 500.000 đồng = 3.750.000 đồng.

Tiếp đó, đến ngày 07/3/2023, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên anh Hoàng Văn T1 đã gặp Vũ Đức T, hỏi vay T số tiền 10.000.000 đồng. T thỏa thuận với T1 lãi suất vay là 5000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng anh T1 phải trả lãi cho T

1.500.000 đồng. Nếu anh **T1** vay tiền dưới 10 ngày thì **T** vẫn tính tiền lãi 10 ngày. Anh **T1** đồng ý. Sau đó, **T** cắt lãi trước 1.500.000 đồng của tháng vay đầu tiên và sử dụng số tài khoản 099691234555 của **ngân hàng M** mang tên **Vũ Đức T** chuyển số tiền 8.500.000 đồng vào số tài khoản 0901000015864 của **ngân hàng V** mang tên **Hoàng Văn T1**. Tuy nhiên đến ngày 15/3/2023, chưa hết một tháng (tương đương 09 ngày nhưng **T** vẫn tính tiền lãi 10 ngày), sau khi trừ số tiền 1.500.000 đồng **T** đã cắt lãi từ trước thì anh **T1** đã chuyển khoản trả cho **T** số tiền 9.000.000 đồng. Trong đó có 8.500.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi.

Lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên là 49.977 đồng. Tổng số tiền **Vũ Đức T** thu lợi bất chính đối với khoản vay trên là: 500.000 đồng – 49.977 đồng = 450.023 đồng.

Đến ngày 17/3/2023, anh **T1** tiếp tục vay của **T** số tiền 20.000.000 đồng cũng với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày. Nếu anh **T1** vay dưới 10 ngày thì **T** vẫn tính tiền lãi 10 ngày. Anh **T1** đồng ý nên **T** đã cắt lãi trước 3.000.000 đồng của tháng vay đầu tiên và đưa cho anh **T1** số tiền mặt 17.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 23/3/2023, chưa hết một tháng (tương đương 07 ngày nhưng **T** vẫn tính tiền lãi 10 ngày), sau khi trừ số tiền 3.000.000 đồng **T** đã cắt lãi từ trước thì anh **T1** đã trả bằng tiền mặt cho **T** số tiền 17.500.000 đồng. Trong đó có 17.000.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi, còn lại 500.000 đồng tiền lãi thì anh **T1** xin không trả **T** thì được **T** đồng ý.

Lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên là 77.778 đồng. Tổng số tiền **Vũ Đức T** thu lợi bất chính đối với khoản vay trên là: 500.000 đồng – 77.778 đồng = 422.222 đồng.

Tổng số tiền mà **Vũ Đức T** đã thu lợi bất chính từ việc cho anh **Trần Hữu K1**, anh **Vũ Như A** và anh **Hoàng Văn T1** vay là **37.040.145 đồng**.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của **Vũ Đức T** tại **TDP H, phường H, thị xã D**, Cơ quan CSĐT **Công an thị xã D** không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Về nguồn gốc số tiền mà **T** cho các anh **Trần Hữu K1**, anh **Vũ Như A**, anh **Hoàng Văn T1** vay: **T** khai nhận do lao động mà có.

Cơ quan CSĐT **Công an thị xã D** có công văn gửi **Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh H1** (MB) đề nghị cung cấp chủ sở hữu của số tài khoản 099691234555 và sao kê các giao dịch phát sinh từ ngày 08/11/2022 đến ngày 30/02/2024.

Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh H1 (MB) có công văn trả lời như sau: Số tài khoản 099691234555 chủ tài khoản là **Vũ Đức T**, có địa chỉ tại **TDP H, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam**.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại di động Iphone 13 pro max màu vàng, số IMEI: 353652738659102, số IMEI 2: 353652739053909, bên trong có lắp 01 sim có dãy số: 8984048831007783657 của **Vũ Đức T** tự nguyện giao nộp, nhận thấy: Tại phần danh sách cuộc gọi, tin nhắn bên trong chiếc điện thoại trên không phát hiện có nội dung gì liên quan đến hành vi cho vay lãi của **T**. Bên trong điện thoại có 01 ứng dụng của **Ngân hàng TMCP Q** (MB) có số tài khoản 099691234555 mang tên **Vũ Đức T** dùng thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Anh **Trần Hữu K1**, anh **Vũ Như A**, anh **Hoàng Văn T1** có quan điểm, đề nghị xử lý số tiền lãi các anh đã trả cho **T** theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 74/CT-VKS - DT ngày 27/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên truy tố bị cáo về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được đối trừ số ngày đã bị tạm giữ; khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng từ 400.000đ đến 500.000đ để sung vào ngân sách nhà nước; phạt bổ sung đối với bị cáo từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 13 Promax. Truy thu tiền gốc bị cáo **Vũ Đức T** đang quản lý: 70.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước. Truy thu đối với bị cáo **Vũ Đức T** những khoản sau: Số tiền 4.709.855 đồng để sung ngân sách nhà nước và số tiền 37.040.145 đồng để trả lại cho: anh **Trần Hữu K1** số tiền 25.750.900 đồng, anh **Vũ Như A** số tiền 10.417.000 đồng, anh **Hoàng Văn T1** số tiền 872.245 đồng và tuyên án phí đối với bị cáo.

Bị cáo **Vũ Đức T** xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thị xã D** và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên và Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng, phù hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích thu lợi bất chính, tại **tổ dân phố H, phường H, thị xã D**, **Vũ Đức T** đã hai lần cho anh **Trần Hữu K1** vay tiền với cùng mức lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, anh **K1** đồng ý. Lần thứ nhất với khoản vay 10.000.000 đồng, từ tháng 11/2022 đến tháng 4/2023 (06 tháng). **T** thu lợi bất chính số tiền 8.000.000 đồng. Lần thứ hai với khoản vay thêm 5.000.000 đồng thành tổng 15.000.000 đồng, từ tháng 5/2023 đến tháng 01/2024 (09 tháng). **T** thu lợi bất chính số tiền 17.750.900 đồng. Tổng số tiền **T** thu lợi bất chính trong hai khoản vay trên là **25.750.900** đồng.

Từ tháng 11/2022 đến tháng 01/2024, **Vũ Đức T** đã hai lần cho anh **Vũ Như A** vay tiền với cùng mức lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, anh **Vũ Như A** đồng ý. Lần thứ nhất với khoản vay 10.000.000 đồng, từ tháng 11/2022 đến đầu tháng 4/2023 (05 tháng). **T** thu lợi bất chính số tiền 6.667.000 đồng. Lần thứ hai với

khoản vay 15.000.000 đồng, từ ngày 20/11/2023 đến tháng 01/2024 (02 tháng). **T** thu lợi bất chính số tiền 3.750.000 đồng. Tổng số tiền **T** thu lợi bất chính trong hai khoản vay trên là **10.417.000** đồng.

Tiếp đó, từ ngày 07/3/2023 đến ngày 23/3/2023, **Vũ Đức T** đã hai lần cho anh **Hoàng Văn T1** vay tiền với cùng mức lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, nếu khoản vay dưới 10 ngày thì **T** vẫn tính lãi 10 ngày, anh **T1** đồng ý. Lần thứ nhất với khoản vay 10.000.000 đồng, từ ngày 07/3/2023 đến ngày 15/3/2023 (09 ngày). **T** thu lợi bất chính số tiền 450.023 đồng. Lần thứ hai với khoản vay 20.000.000 đồng, từ ngày 17/3/2023 đến ngày 23/3/2023 (7 ngày). **T** thu lợi bất chính số tiền 422.222 đồng. Tổng số tiền **T** thu lợi bất chính trong hai khoản vay trên là **872.245** đồng.

Với cùng mức lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương lãi suất 180%/năm (gấp 09 lần mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Tổng số tiền mà **Vũ Đức T** đã thu lợi bất chính từ việc cho anh **Trần Hữu K1**, anh **Vũ Như A** và anh **Hoàng Văn T1** vay là **37.040.145** đồng.

Hành vi nêu trên của **Vũ Đức T** gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay làm cho người vay phải chịu mức lãi suất cao so với quy định của pháp luật, hành vi của bị cáo mang tính chất bóc lột làm cho người vay đã khó khăn càng lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm, hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Từ nhận định trên cho thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Hiện nay bị cáo làm công nhân, mức thu nhập hàng tháng trung bình khoảng 6.500.000 đồng/01tháng nên cần áp dụng việc khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án và áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng, tài sản tạm giữ và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 điện thoại Iphone 13 Promax là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền gốc **Vũ Đức T** đã sử dụng cho: anh **Trần Hữu K1** vay 15.000.000 đồng, anh **Vũ Như A** vay 25.000.000 đồng và **Hoàng Văn T1** vay 30.000.000 đồng là phương tiện phạm tội, hiện nay bị cáo **Vũ Đức T** là người đang quản lý cần truy thu khoản tiền gốc tổng là 70.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Đối với tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là: 4.709.855 đồng có được do hành vi phạm tội, số tiền này bị cáo đã thu của anh **Trần Hữu K1** (3.249.100 đồng), anh **Vũ Như A** (1.333.000 đồng) và anh **Hoàng Văn T1** (127.755 đồng) vì thế cần truy thu đối với bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền **Vũ Đức T** thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng 37.040.145 đồng cần truy thu của bị cáo để trả lại cho: anh **Trần Hữu K1** số tiền 25.750.900 đồng, anh **Vũ Như A** số tiền 10.417.000 đồng, anh **Hoàng Văn T1** số tiền 872.245 đồng.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Vũ Đức T** phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: **Vũ Đức T** 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 27 ngày (quy đổi từ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/02/2024 đến ngày 09/3/2024), bị cáo còn phải chấp hành 06 (Sáu) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự **Công an thị xã D**, tỉnh Hà Nam nhận được quyết định thi hành án thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo **Vũ Đức T** cho **UBND phường H**, **thị xã D tỉnh Hà Nam** là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án bị cáo phải thực hiện quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

* Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo **Vũ Đức T** trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, mỗi tháng 500.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

* Phạt bổ sung bị cáo **Vũ Đức T**: 30.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

2. Về vật chứng, tài sản tạm giữ và biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 13 Promax (đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận giữa **Công an thị xã D** với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên ngày 31/5/2024)

3. Truy thu tiền gốc bị cáo **Vũ Đức T** đang quản lý: 70.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với bị cáo **Vũ Đức T** những khoản sau: Số tiền 4.709.855 đồng để sung ngân sách nhà nước và số tiền 37.040.145 đồng để trả lại cho: anh **Trần Hữu K1** số tiền 25.750.900 đồng, anh **Vũ Như A** số tiền 10.417.000 đồng, anh **Hoàng Văn T1** số tiền 872.245 đồng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội buộc bị cáo **Vũ Đức T** phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an thị xã Duy Tiên;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tươi

